

## QUYẾT ĐỊNH

V/v Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2024 - 2025  
cho sinh viên các ngành Sư phạm trình độ Đại học hệ chính quy Khoá 2024

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 2402/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thủ đô Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3221/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 28/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quyết định về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 97/2023-NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Thủ tướng chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1244/QĐ-ĐHTĐHN ngày 13/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội về việc ban hành Quy định về học bổng đối với người học tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội;

Căn cứ Biên bản họp xét học bổng khuyến khích học tập ngày 21/3/2025 của Hội đồng xét duyệt học bổng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội về việc xét học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2024 – 2025 đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy khoá 2024;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2024-2025 cho 39 sinh viên các ngành Sư phạm trình độ Đại học hệ chính quy khoá 2024.

- 27 sinh viên đạt học bổng loại Xuất sắc;
  - 12 sinh viên đạt học bổng loại Giỏi;
- (có danh sách và mức tiền kèm theo)

**Điều 2.** Các Trưởng phòng: Quản lý đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên, Kế hoạch - Tài chính; các Trưởng đơn vị đào tạo và những sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Hiệu trưởng;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- ĐTN, HSV;
- Lưu: VT, QLĐT&CTHSSV (3 bản).



**HIỆU TRƯỞNG**

**Đỗ Hồng Cường**

**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CÁC NGÀNH SƯ PHẠM KHÓA 2024  
ĐƯỢC NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Nộp đơn theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP)

(Kèm theo Quyết định số ~~419~~ /QĐ-ĐHTĐHN ngày 27 tháng 3 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội)

| STT | Lớp            | Mã SV     | Họ và tên             | Điểm |    | Số TC | Loại HB  | Mức tiền  |
|-----|----------------|-----------|-----------------------|------|----|-------|----------|-----------|
|     |                |           |                       | HT   | RL |       |          |           |
| 1   | GDTC D2024     | 224000620 | PHẠM THỊ AN HÀ        | 3,59 | 98 | 17    | Giỏi     | 7.755.000 |
| 2   |                | 224000654 | PHẠM ĐỨC THIÊN        | 3,58 | 95 | 17    | Giỏi     | 7.755.000 |
| 3   |                | 224000650 | NGUYỄN THANH TÂM      | 3,44 | 98 | 17    | Giỏi     | 7.755.000 |
| 4   | GDCD D2024     | 224000581 | NGUYỄN LAN ANH        | 3,71 | 94 | 16    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| 5   | GDMN D2024B    | 224000159 | TRẦN THỊ KHÁNH LINH   | 3,74 | 94 | 17    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| 6   |                | 224000143 | NGUYỄN THỊ LIÊN       | 3,66 | 92 | 17    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| 7   |                | 224000062 | NGUYỄN KHIẾU HÀ ANH   | 3,63 | 80 | 15    | Giỏi     | 7.755.000 |
| 8   |                | 224000252 | BÙI THỊ THÚY TRÂN     | 3,58 | 90 | 15    | Giỏi     | 7.755.000 |
| 9   | GDMN D2024C    | 224000152 | NGUYỄN GIA LINH       | 3,63 | 96 | 17    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| 10  | GDMN D2024D    | 224000122 | HOÀNG THỊ HUYỀN       | 3,61 | 94 | 15    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| 11  | GDMN HN D2024D | 224000053 | ĐÀO THỊ HOÀI ANH      | 3,66 | 92 | 15    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| 12  |                | 224000211 | VŨ THỊ PHƯƠNG         | 3,62 | 92 | 15    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| 13  |                | 224000209 | NGUYỄN HUYỀN PHƯƠNG   | 3,57 | 96 | 15    | Giỏi     | 7.755.000 |
| 14  | GDTH D2024A    | 224000283 | NGUYỄN NGỌC ANH       | 3,82 | 92 | 20    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| 15  |                | 224000465 | NGUYỄN DƯƠNG NGÂN     | 3,77 | 94 | 18    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| 16  |                | 224000311 | VŨ MINH ÁNH           | 3,76 | 92 | 20    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| 17  |                | 224000444 | PHẠM NGỌC MAI         | 3,72 | 90 | 18    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| 18  |                | 224000571 | ĐUỜNG THỊ YẾN         | 3,71 | 94 | 18    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| 19  | GDTH D2024B    | 224000400 | ĐỖ LINH LINH          | 3,73 | 94 | 20    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| 20  |                | 224000403 | ĐẶNG KIỀU DIỆU LINH   | 3,73 | 94 | 18    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| 21  |                | 224000459 | LÊ HẰNG NGA           | 3,71 | 94 | 18    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| 22  | GDTH D2024C    | 224000299 | TRƯƠNG LAN ANH        | 3,71 | 95 | 20    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| 23  | GDTH D2024D    | 224000307 | NGUYỄN THỊ NGUYỆT ÁNH | 3,74 | 94 | 18    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| 24  |                | 224000335 | NGUYỄN THUY DƯƠNG     | 3,71 | 94 | 18    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| 25  |                | 224000363 | NGUYỄN THỊ HẬU        | 3,71 | 94 | 20    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| 26  | GDTH D2024E    | 224000462 | NGUYỄN THÚY NGA       | 3,8  | 94 | 18    | Xuất sắc | 8.460.000 |

|      |                  |           |                    |      |    |    |          |             |
|------|------------------|-----------|--------------------|------|----|----|----------|-------------|
| 27   |                  | 224000343 | NGUYỄN HƯƠNG GIANG | 3,72 | 93 | 18 | Xuất sắc | 8.460.000   |
| 28   | GDTH D2024G      | 224000402 | ĐÀO KHÁNH LINH     | 3,76 | 83 | 20 | Giỏi     | 7.755.000   |
| 29   |                  | 224000435 | LÊ NGỌC CẨM LY     | 3,71 | 96 | 20 | Xuất sắc | 8.460.000   |
| 30   | SP LỊCH SỬ D2024 | 224000838 | ĐOÀN THỊ NGỌC OANH | 3,77 | 93 | 12 | Xuất sắc | 8.460.000   |
| 31   |                  | 224000837 | LÊ THỊ NGỌC MINH   | 3,65 | 95 | 15 | Giỏi     | 7.755.000   |
| 32   | SP VĂN D2024A    | 224000738 | NGÔ QUỲNH ANH      | 3,71 | 87 | 18 | Giỏi     | 7.755.000   |
| 33   | SP VĂN D2024B    | 224000745 | ĐỖ NGỌC ÁNH        | 3,7  | 94 | 16 | Xuất sắc | 8.460.000   |
| 34   |                  | 224000743 | TẠ HỒNG ANH        | 3,7  | 94 | 16 | Xuất sắc | 8.460.000   |
| 35   |                  | 224000772 | NGUYỄN NGỌC HUYỀN  | 3,69 | 94 | 18 | Xuất sắc | 8.460.000   |
| 36   | SP TOÁN D2024    | 224000684 | TRẦN VŨ HIỀN LINH  | 3,49 | 96 | 22 | Giỏi     | 7.755.000   |
| 37   |                  | 224000692 | VŨ THỊ THU NGÂN    | 3,31 | 90 | 22 | Giỏi     | 7.755.000   |
| 38   | SP VẬT LÝ D2024  | 224000715 | NGUYỄN THÙY CHI    | 3,57 | 95 | 21 | Giỏi     | 7.755.000   |
| Tổng |                  |           |                    |      |    |    |          | 313.020.000 |

Ấn định danh sách có 38 sinh viên

*(Signature)*

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CÁC NGÀNH SỬ PHẠM KHÓA 2024  
ĐƯỢC NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025  
(Không nộp đơn theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP)  
(Kèm theo Quyết định số 419 /QĐ-ĐHTĐHN ngày 27 tháng 3 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội)

| STT  | Lớp         | Mã SV     | Họ và tên       | Điểm |    | Số TC | Loại HB  | Mức tiền  |
|------|-------------|-----------|-----------------|------|----|-------|----------|-----------|
|      |             |           |                 | HT   | RL |       |          |           |
| 1    | GDMN D2024C | 224000071 | NGUYỄN NGỌC ÁNH | 3,63 | 95 | 15    | Xuất sắc | 8.460.000 |
| Tổng |             |           |                 |      |    |       |          | 8.460.000 |

Ấn định danh sách có 01 sinh viên

